TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2022/DS-ST
Ngày: 22-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thuỳ Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Mạnh Quyết

2. Ông Trần Văn Nhị

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đức Quân – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thường Ân – Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2022/TLST – DS ngày 08 tháng 6 năm 2022 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông A, sinh năm: 1995;

Địa chỉ: ấp 4, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông B, sinh năm 1966

Bà C, sinh năm: 1969;

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

(ông A, bà C có mặt, ông B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/5/2022 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông A trình bày:

Ông và ông B, bà C là chỗ quen biết do ở gần nhà. Ông B là chồng bà C. Ông làm nghề mua bán thức ăn chăn nuôi.

Từ năm 2016 giữa ông và bà C có phát sinh quan hệ mua bán thức ăn chăn nuôi heo (cám), hai bên thỏa thuận ông bán cám cho bà C, khi nào bà C bán heo thì sẽ trả tiền cám cho ông.

Đến ngày 20/6/2018 giữa ông và bà C có làm Giấy biên nhận nội dung tính đến ngày 05/11/2017 bà C có nợ ông số tiền cám chưa trả là 48.727.000 đồng, giấy này do ông viết, bà C ký tên và hứa sẽ có trách nhiệm trả tiền cho ông.

Vào ngày 12/6/2019, bà C có trả cho ông số tiền 40.000.000 đồng rồi ngưng luôn đến nay.

Việc bà C mua cám, nợ tiền ông thì ông B có biết.

Ông nhiều lần yêu cầu bà C, ông B trả số tiền còn nợ lại cho ông nhưng bà C, ông B không trả.

Do đó, nay ông khởi kiện yêu cầu bà C, ông B có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền mua cám còn nợ lại là 8.727.000 đồng và 11.330.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng số tiền yêu cầu bà C, ông B trả là 20.057.000 đồng.

Bị đơn bà C trình bày:

Bà và ông B là vợ chồng hiện quan hệ hôn nhân vẫn còn.

Qua lời trình bày của ông A về quá trình mua bán thức ăn chăn nuôi heo như trên là đúng.

Đến ngày 20/6/2018 thì bà và ông A xác nhận lại số tiền mà bà mua thức ăn chăn nuôi heo còn nợ ông A là 48.727.000 đồng, hai bên có làm giấy nợ do ông A viết, bà có ký tên vào giấy tay này.

Vào ngày 12/6/2019, bà có trả cho ông A số tiền 40.000.000 đồng, còn nợ lại 8.727.000 đồng, bà có xin ông A bớt số tiền này chia mỗi người chịu một nửa nhưng ông A không chịu, do bà nuôi heo thì bị dịch heo tai xanh, sau đó thì dịch Covid – 19 nên bị lỗ.

Nay ông A khởi kiện yêu cầu bà và ông B có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền còn nợ lại là 8.727.000 đồng, yêu cầu tiền lãi 11.330.000 đồng. Tổng cộng số tiền 20.057.000 đồng bà không đồng ý. Bà chỉ đồng ý trả cho ông A ½ số tiền 8.727.000 đồng tương đương số tiền 4.364.000 đồng vì heo bị chết và lỗ còn phần ông A bán cám cho bà mấy năm đã có lời rồi nếu ông A đồng ý như vậy trong vòng hai tháng bà sẽ trả cho ông A số tiền 4.364.000 đồng. Ngoài ra không ý kiến gì thêm.

Bị đơn ông B không có lời trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án , Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng ông B mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bà C và ông B có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông A số tiền 8.727.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông A và bà C có thoả thuận miệng về việc mua bán thức ăn chăn nuôi heo (cám) từ năm 2016. Tuy nhiên bà C không thanh toán đủ tiền cho ông A. Nay ông A khởi kiện bà C và chồng là B làm phát sinh quan hệ pháp luật "*Tranh chấp hợp đồng mua bán*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430 Bộ luật dân sự.

Do bà C và ông B hiện cư ngụ tại huyện T, tỉnh Long An nên khi ông A khởi kiện thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An giải quyết theo trình tự sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205, 207 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng kết quả không thành. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, vắng mặt ông B nhưng Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông B, ông B đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông B.

[2] Về nội dung vụ án: Ông A khởi kiện yêu cầu bà C và ông B có trách nhiệm hoàn trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 8.727.000 đồng, yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 05/11/2017 đến ngày 30/5/2022, lãi suất 10%/năm, thành tiền 11.330.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa ông A thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu số tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày 12/6/2019 đến ngày Tòa án xét xử trên số tiền 8.727.000 đồng, với mức lãi suất 10%/năm. Xét yêu cầu của ông A, Hội đồng xét xử thấy:

Từ năm 2016 ông A có bán cho bà C thức ăn chăn nuôi heo (cám), hai bên thỏa thuận ông A bán cám cho bà C, khi nào bà C bán heo thì sẽ trả tiền cám cho ông A. Đến ngày 20/6/2018 giữa ông A và bà C có làm Giấy biên nhận nội dung tính đến ngày 05/11/2017 bà C có nợ ông A số tiền cám là 48.727.000 đồng, giấy này do ông A viết, bà C ký tên. Vào ngày 12/6/2019, bà C có trả cho ông A số tiền 40.000.000 đồng rồi ngưng luôn đến nay mặc dù ông A nhiều lần yêu cầu bà C trả số tiền còn nợ lại nhưng bà C không trả. Bà C thừa nhận có mua cám của ông A và hiện nay còn nợ lại số tiền 8.727.000 đồng. Bà xin trả ½ số tiền trên cho ông A vì chăn nuôi bị lỗ. Việc bà C xin giảm bớt số tiền phải trả không được ông A đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời thừa nhận của các bên đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ buộc bà C có nghĩa vụ thanh toán cho ông A số tiền 8.727.000 đồng là phù hợp theo Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về lãi suất: ông A yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 12/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2022, lãi suất 10%/năm, trên số tiền gốc 8.727.000 đồng. Xét thấy yêu cầu tính lãi của ông A là phù hợp quy định pháp luật, số tiền cụ thể: 8.727.000 đồng x 0,83%/tháng x 39 tháng 10 ngày = 2.849.070 đồng.

Về trách nhiệm liên đới: Xét thấy, tại thời điểm bà C mua bán cám của ông A thì ông B, bà C là vợ chồng, hôn nhân giữa ông B, bà C vẫn đang tồn tại, bà C mua cám về chăn nuôi để có thu nhập, sinh hoạt trong gia đình nên số nợ trên là nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Mặt khác Tòa án Toà án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông B như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp về giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà và chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp nhưng ông B vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối, cũng không có văn bản trình bày ý kiến là không chấp hành Thông báo của Toà án và mặc nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp.

Do đó có căn cứ xác định bà C, ông B còn nợ ông A số tiền 11.576.070 đồng. Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và Điều 288, Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông B và bà C có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông A số tiền 11.576.070 đồng.

Về án phí: ông B và bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Hoàn trả tạm ứng án phí cho ông A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; các Điều 227, 147, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" với bà C và ông B.

Buộc bà C và ông B có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông A số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi là 11.576.070 đồng (gồm 8.727.000 đồng tiền mua bán và 2.849.070 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: bà C và ông B phải liên đới chịu 579.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại ông A 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp theo biên lai thu số 0002488 ngày 08/6/2022 và theo biên lai thu số 0002559 ngày 15/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

Án xét xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Án văn,
- Lưu.

Ngô Thị Thùy Diễm